

Số: 97/QĐ-ĐHTBD

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành chương trình đào tạo các ngành
trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 15/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-ĐHTBD ngày 01/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương về việc Ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp số 02/BBH-ĐHTBD ngày 05/8/2018 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Thái Bình Dương (có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo các ngành được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh năm 2018.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa, các Bộ môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3 thực hiện;
- Lưu: VT, PDT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Văn Ba

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: **Du Lịch**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Chuyên ngành: **- Du lịch – Nhà hàng – Khách sạn**
- Hướng dẫn du lịch và lữ hành
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

*(Ban hành theo Quyết định số: 97 /QĐ-ĐHTBD ngày 10/8/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương)*

I. Mục tiêu đào tạo:

1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo đại học ngành Du lịch cung cấp cho sinh viên môi trường và những hoạt động đào tạo để họ hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, ý thức công dân, tri thức, các kỹ năng cần thiết để có đủ năng lực tiếp cận việc làm và đạt được thành công nghề nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, lữ hành và lĩnh vực liên quan, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội với hai chuyên ngành:

- Du lịch – Nhà hàng – Khách sạn
- Hướng dẫn du lịch và lữ hành

2. **Mục tiêu cụ thể:** Theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHTBD ngày 03 tháng 03 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

II. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

III. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

123 tín chỉ *(không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)*

1. Số tín chỉ của chương trình:

- CTĐT đại học: 123 tín chỉ *(không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)*

2. Số học phần trong chương trình:

- CTĐT đại học bao gồm 41 HP. Số học phần trên không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

3. Tỷ trọng các khối kiến thức phân bổ như sau:



- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 30%.
 - Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 70%
 - Tỷ lệ thời lượng thực hành đối với kiến thức ngành chuyên ngành Du lịch – Nhà hàng – Khách sạn là 21.6%, chuyên ngành Hướng dẫn du lịch và lữ hành là 17.6%.
 - Tỷ lệ thời lượng thực tập tại doanh nghiệp đối với kiến thức ngành là 21.6%.
4. **Khối lượng kiến thức:** Các học phần tự chọn chiếm khoảng 16.2% cho khối kiến thức giáo dục đại cương, 20.9% cho khối kiến thức chuyên nghiệp.

IV. Đối tượng tuyển sinh:

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế nếu đủ điều kiện sau đây đều có thể dự thi hoặc xét tuyển vào ngành Kế toán:

- Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung cấp.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành.

V. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

Theo Quyết định: Số 51/QĐ-ĐHTBD ngày 01/04/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Thái Bình Dương, số 162/QĐ-ĐHTBD ngày 08/12/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành điều kiện tốt nghiệp về ngoại ngữ và tin học đối với sinh viên bậc đại học các khóa tuyển sinh từ năm 2017.

VI. Thang điểm: 10

VII. Chương trình đào tạo:

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
I.	Nhóm học phần đại cương		37				
1	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	[1]		15	15	
2	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	[1]		15	15	1
3	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	[1]		15	15	2
4	GDQP01	Giáo dục quốc phòng	[6]	45	75	15	
I.a.	Bắt buộc		13				
5	CTDT01	NNLCB CN Mác-Lênin	5	60	15	15	
6	CTDT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	10	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
7	CTDT03	ĐLCM ĐCS Việt Nam	3	30	15	15	
8	CNTT01	Kỹ năng CNTT cơ bản	3	15	30	30	
I.b.	Tiếng Anh giao tiếp		18				
9	TAA101	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A1.1	3	30	15	15	
10	TAA102	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A1.2	3	30	15	15	9
11	TAA201	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A2.1	3	30	15	15	10
12	TAA202	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A2.2	3	30	15	15	11
13	TAB101	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế B1.1	3	30	15	15	12
14	TAB102	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế B1.2	3	30	15	15	13
I.c.	Tự chọn (Chọn 6 tín chỉ)		6				
15	BMQT01	Nhập môn quản trị và quản trị kinh doanh	3	30	15	15	
16	TCNH01	Nhập môn tài chính tiền tệ và ngân hàng	3	30	15	15	
17	KTKT01	Nhập môn kế toán và nguyên lý kế toán	3	30	15	15	
18	BMQT02	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3	30	15	15	8
19	BMQT06	Kỹ năng học đại học và hội nhập	3	30	15	15	
20	LUAT03	Logic và kỹ năng lập luận	3	30	15	15	
21	LUAT37	Đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3	30	15	15	
22	LUAT01	Lý luận nhà nước & pháp luật	3	30	15	15	
23	BMQT34	Kỹ năng thương mại điện tử	3	30	15	15	
24	BMQT03	Nghiep vụ thư ký văn phòng	3	30	15	15	
25	BMQT08	Marketing căn bản	3	30	15	15	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
26	BMQT09	Quản trị nhân sự	3	30	15	15	
27	BMQT10	Hành vi tổ chức	3	30	15	15	
II.	Nhóm học phần cơ sở ngành		21				
II.a.	Bắt buộc		15				
28	BMVH01	Tổng quan khoa học xã hội và xã hội học	3	30	15	15	
29	BMVH03	Tâm lý đại cương	3	30	15	15	
30	BMVH04	Lịch sử đại cương	3	30	15	15	
31	BMVH05	Văn hóa đại cương	3	30	15	15	
32	BMVH17	Giao tiếp và giao tiếp liên văn hóa	3	30	15	15	
II.b.	Tự chọn (Chọn 6 tín chỉ)		6				
33	BMVH11	Văn hóa và văn học dân gian Việt Nam	3	30	15	15	
34	BMVH09	Địa lý du lịch Việt Nam và thế giới	3	30	15	15	
35	BMVH10	Tổng quan văn học Việt Nam	3	30	15	15	
36	BMVH12	Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt thực hành	3	30	15	15	
37	BMVH13	Tiếng Việt thực hành nâng cao	3	30	15	15	
38	LUAT55	Pháp luật kinh doanh	3	30	15	15	
39	LUAT09	Luật dân sự - Tài sản và quyền sở hữu	3	30	15	15	
40	LUAT12	Luật thương mại - Các chủ thể kinh doanh	3	30	15	15	
III.	Nhóm học phần chuyên ngành		54				
III.a.	Bắt buộc		36				
41	DLKS02	Tổng quan du lịch và kinh tế du lịch	3	30	15	15	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
42	DLKS01	Tổng quan quy trình và nghiệp vụ khách sạn	3	30	15	15	
43	DLKS03	Quản trị kinh doanh khách sạn - nhà hàng	3	30	15	15	
44	DLKS04	Tiếng Anh thương mại và du lịch	3	30	15	15	
45	BMVH07	Tâm lý khách du lịch	3	30	15	15	
46	BMVH06	Địa lý - văn hóa du lịch Khánh Hòa	3	30	15	15	
47	DLKS05	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	3	30	15	15	
48	DLKS08	Nghiệp vụ và quản lý nhà hàng	3	30	15	15	
49	LUAT52	Pháp luật và quản lý nhà nước về du lịch	3	30	15	15	
50	DLKS16	Nghiệp vụ thuyết minh du lịch	3	30	15	15	
51	BMVH02	Lễ tân và nghi thức ngoại giao	3	30	15	15	
52	BMQT07	Kỹ năng tìm việc và thích nghi công việc	3	30	15	15	
III.b.	Tự chọn chuyên ngành (Chọn 12 tín chỉ)		12				
b1.	Chuyên ngành: Du lịch – Nhà hàng – Khách sạn		12				
53	DLKS09	Nghiệp vụ và quản lý buồng phòng	3	30	15	15	
54	DLKS10	Nghiệp vụ bar và pha chế đồ uống	3	30	15	15	
55	DLKS11	Nghiệp vụ lễ tân và quản lý tiền sảnh	3	30	15	15	
56	DLKS14	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	30	15	15	
57	DLKS13	Nghiệp vụ quản lý khách sạn	3	30	15	15	
58	KTKT11	Kế toán nhà hàng - khách sạn	3	30	15	15	
59	BMQT28	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	3	30	15	15	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
60	DLKS07	Phục vụ trên tàu thủy Du lịch	3	30	15	15	
61	DLKS12	Nghiệp vụ bếp và quản lý nhà bếp	3	30	15	15	
b2.	Chuyên ngành: Hướng dẫn du lịch và lữ hành		12				
62	DLKS15	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	30	15	15	
63	DLKS19	Thiết kế tour du lịch	3	30	15	15	
64	DLKS62	Thực tập tour và hướng dẫn du lịch N2 (01 tuần)	3				
65	DLKS14	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	30	15	15	
66	DLKS13	Nghiệp vụ quản lý khách sạn	3	30	15	15	
67	KTKT11	Kế toán nhà hàng - khách sạn	3	30	15	15	
68	BMQT28	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	3	30	15	15	
69	DLKS07	Phục vụ trên tàu thủy Du lịch	3	30	15	15	
70	DLKS12	Nghiệp vụ bếp và quản lý nhà bếp	3	30	15	15	
III.c.	Bắt buộc chuyên ngành		6				
71	DLKS51	Thực tập du lịch N1 (12 tuần)	3				
72	DLKS52	Thực tập du lịch N2 (12 tuần)	3				
IV.	Nhóm học phần tốt nghiệp		11				
73	DLKS06	Tổ chức sự kiện và lễ hội (thay KLTN)	3	30	15	15	
74	BMQT35	Marketing du lịch (thay KLTN)	3	30	15	15	
75	DLKS63	Thực tập tốt nghiệp (3 tháng)	5				
76	DLKS91	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc chọn thay thế các mục tự chọn) (3 tháng)	6				
	Tổng cộng		123				

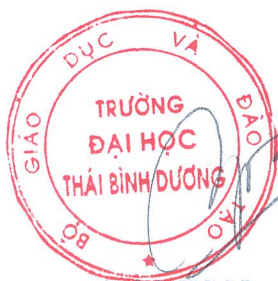
VIII. Kế hoạch đào tạo:

Học kỳ	STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	1	TAA101	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A1.1	3
	2	TAA102	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A1.2	3
	3	BMQT01	Nhập môn quản trị và quản trị kinh doanh	3
	4	BMVH01	Tổng quan khoa học xã hội và xã hội học	3
	5	DLKS02	Tổng quan du lịch và kinh tế du lịch	3
		Tổng cộng		15
2	1	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	1
	2	TAA201	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A2.1	3
	3	TAA202	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A2.2	3
	4	CNTT01	Kỹ năng CNTT cơ bản	3
	5	DLKS01	Tổng quan quy trình và nghiệp vụ khách sạn	3
	6	DLKS08	Nghiệp vụ và quản lý nhà hàng	3
		Tổng cộng		16
3	1	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	1
	2	CTDT01	NNLCB CN Mác-Lênin	5
	3	DLKS51	Thực tập du lịch N1	3
		Tổng cộng		9
4	1	TAB101	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế B1.1	3
	2	TAB102	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế B1.2	3
	3	BMVH04	Lịch sử đại cương	3
	4	BMVH05	Văn hóa đại cương	3
	5	BMVH06	Địa lý - văn hóa du lịch Khánh Hòa	3
		Chuyên ngành: Du lịch – Nhà hàng – Khách sạn		
	6	DLKS10	Nghiệp vụ bar và pha chế đồ uống	3
		Chuyên ngành: Hướng dẫn du lịch và lữ hành		
	6	DLKS19	Thiết kế tour du lịch	3
		Tổng cộng		18
5	1	BMVH03	Tâm lý đại cương	3
	2	BMVH11	Văn hóa và văn học dân gian Việt Nam	3

	3	DLKS16	Nghiep vụ thuyết minh du lịch	3
	4	BMVH09	Địa lý du lịch Việt Nam và thế giới	3
	Chuyên ngành: Du lịch – Nhà hàng – Khách sạn			
	5	DLKS09	Nghiep vụ và quản lý buồng phòng	3
	6	DLKS11	Nghiep vụ lễ tân và quản lý tiền sảnh	3
	Chuyên ngành: Hướng dẫn du lịch và lữ hành			
	5	DLKS15	Nghiep vụ hướng dẫn du lịch	3
	6	DLKS62	Thực tập tour và hướng dẫn du lịch N2 (01 tuần)	3
		Tổng cộng		18
6	1	CTDT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	2	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	1
	3	CTDT03	ĐLCM ĐCS Việt Nam	3
	4	DLKS52	Thực tập du lịch N2	3
		Tổng cộng		9
7	1	BMQT02	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3
	2	BMVH17	Giao tiếp và giao tiếp liên văn hóa	3
	3	BMVH07	Tâm lý khách du lịch	3
	4	BMVH02	Lễ tân và nghi thức ngoại giao	3
	5	DLKS05	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3
	6	LUAT52	Pháp luật và quản lý nhà nước về du lịch	3
		Tổng cộng		18
8	1	GDQP01	Giáo dục quốc phòng	6
	2	DLKS03	Quản trị kinh doanh khách sạn - nhà hàng	3
	3	DLKS04	Tiếng Anh thương mại và du lịch	3
	4	BMQT07	Kỹ năng tìm việc và thích nghi công việc	3
	5	DLKS14	Quản trị kinh doanh lữ hành	3
		Tổng cộng		18
9	1	DLKS63	Thực tập tốt nghiệp	5
		Chọn học phần thay thế hoặc viết KLTN		
	2	DLKS06	Tổ chức sự kiện và lễ hội (thay KLTN)	3
	3	BMQT35	Marketing du lịch (thay KLTN)	3

	4	DLKS91	Khóa luận tốt nghiệp	6
		Tổng cộng		11

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Văn Ba

TRƯỞNG KHOA

TS. Phạm Văn Hải

